

# CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP CỦA NGƯỜI DÂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

(Làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp, tỉnh Bình Dương)

Nguyễn Hồng Thu

Trường Đại học Thủ Dầu Một

## TÓM TẮT

Sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính, đối tượng nghiên cứu là hộ gia đình sản xuất sơn mài Tương Bình Hiệp (tỉnh Bình Dương) với số liệu điều tra ngẫu nhiên từ 150 hộ dân chuyên làm nghề sơn mài, nghiên cứu của chúng tôi đã phân tích mối quan hệ giữa thu nhập với các tiêu chí về giới tính của chủ hộ, quy mô lao động, trình độ học vấn, độ tuổi, kinh nghiệm, chủng loại sản phẩm... Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố về trình độ học vấn, quy mô lao động, thị trường tiêu thụ, nguồn hàng gia công và sinh hoạt làng nghề có mối liên hệ chặt chẽ và có vai trò quyết định sức sống của một làng nghề. Để nâng cao thu nhập cho người dân làng nghề sơn mài cần gia tăng nguồn hàng gia công, thường xuyên tổ chức và khuyến khích người dân tham gia các buổi sinh hoạt tại Hiệp hội làng nghề, đa dạng hóa nguồn thu nhập, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao trình độ học vấn cho nhân dân lao động trong làng nghề.

**Từ khóa:** làng nghề truyền thống, thu nhập, hộ gia đình

\*

### 1. Đặt vấn đề

Làng nghề truyền thống ở nước ta có từ lâu đời. Vào thời phong kiến, các sản phẩm truyền thống đã sản xuất để phục vụ cho các cung đình, lăng tẩm. Cho đến thời Pháp thuộc làng nghề vẫn còn tồn tại và tiếp tục duy trì, phát triển với nhiều hình thức khác nhau. Hiện nay Việt Nam có khoảng hơn 2.000 làng nghề, được phân bố hầu khắp đất nước.

Làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp ở Bình Dương có lịch sử hàng trăm năm. Làng nghề không chỉ đóng góp giá trị kinh tế chung của tỉnh mà còn tạo công ăn việc làm cho đội ngũ lực lượng lao động. Duy trì và phát triển làng nghề này không chỉ phát huy và bảo tồn ngành nghề truyền thống của tỉnh nhà trong thời kỳ mới mà

còn góp phần tạo công ăn việc làm cho phần lớn nguồn nhân lực tại địa phương.

### 2. Phương tiện và phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Thiết lập mô hình nghiên cứu

Mô hình sử dụng trong nghiên cứu là mô hình hồi quy tuyến tính. Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), “Phân tích hồi quy là nghiên cứu mối quan hệ phụ thuộc của một biến (gọi là biến phụ thuộc) vào một hay nhiều biến khác (gọi là biến độc lập) với ý tưởng ước lượng và/hoặc dự đoán giá trị trung bình (tổng thể) của biến phụ thuộc trên cơ sở các giá trị biết trước (trong mẫu) của các biến độc lập”.

Với đối tượng nghiên cứu là hộ gia đình sản xuất sơn mài truyền thống, để đo lường thu nhập của hộ gia đình, tác giả

dùng thước đo thu nhập ròng, tức tổng doanh thu trừ đi các khoản chi phí sản xuất (trong các khoản chi phí sản xuất không bao gồm chi phí lao động và chi phí cơ hội của hộ gia đình vì hộ dân chủ yếu lấy công làm lời là chính để góp phần tạo ra nguồn thu cho gia đình).

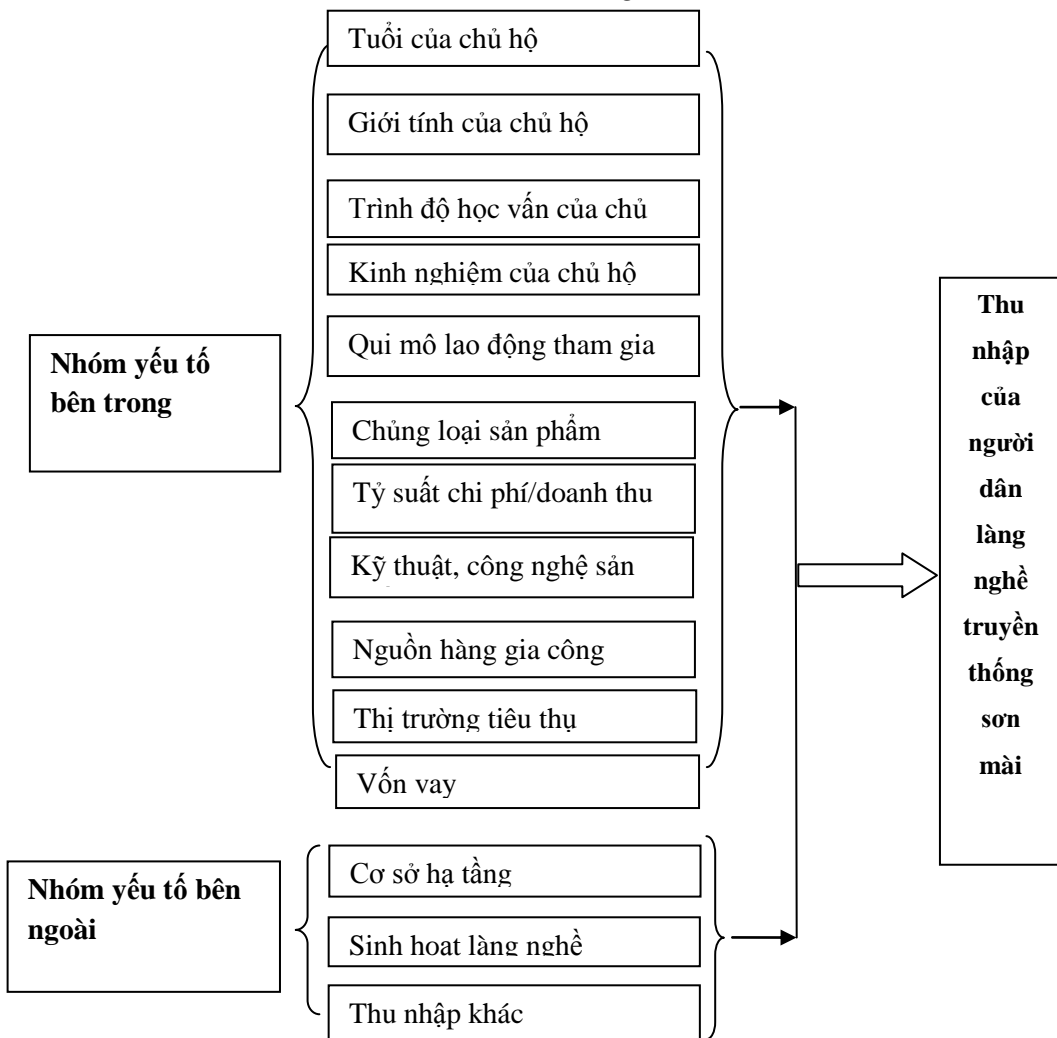
Thông qua lược khảo một số nghiên cứu của các tác giả Mai Văn Nam (2011), Nguyễn Quốc Nghi (2011), xác định có 2 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của

hộ gia đình bao gồm: *nhóm yếu tố bên trong và nhóm yếu tố bên ngoài*. Từ phân tích các giả thuyết, tác giả xây dựng mô hình hồi quy có dạng:

$$Y_i = b_0 + b_1X_1 + b_2X_2 + b_3X_3 + \dots + b_kX_k + e_i$$

Trong đó:  $Y_i$  : Là biến phụ thuộc (thu nhập của hộ gia đình làm nghề truyền thống sơn mài);  $X_j$  : Là các biến độc lập (xác định dựa vào mô hình nghiên cứu);  $e_i$  : Là phần dư;  $b_j$  : Là hệ số hồi quy.

**Hình 2.1. Mô hình nghiên cứu**



**Bảng 2.1. Diễn giải các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu**

Biến số	Diễn giải	Kỳ vọng dấu
<b>X1:</b> Tuổi của chủ hộ	Tính theo năm sinh của chủ hộ	(+)

<b>X2:</b> Giới tính của chủ hộ	Là biến giả nhận giá trị 1: Nếu là nam giới	(+)
<b>X3:</b> Trình độ học vấn của chủ hộ	Thể hiện bằng số năm học cao nhất ở các bậc học	(+)
<b>X4:</b> Kinh nghiệm của chủ hộ	Tính bằng số năm làm nghề	(+)
<b>X5:</b> Quy mô lao động tham gia	Thể hiện bằng số người trực tiếp tham gia sản xuất trong hộ	(+)
<b>X6:</b> Số chủng loại sản phẩm	Thể hiện qua tổng số loại sản phẩm sản xuất được	(+)
<b>X7:</b> Tỷ suất chi phí SX/doanh thu	Tính bằng tổng chi phí trên doanh thu	(-)
<b>X8:</b> Kỹ thuật công nghệ	Thể hiện qua số năm sản xuất máy móc, công nghệ	(-)
<b>X9:</b> Nguồn hàng gia công	Là biến giả nhận giá trị 1: Nhận làm thêm nguồn hàng gia công	(+)
<b>X10:</b> Thị trường tiêu thụ	Là biến giả nhận giá trị 1: Nếu bỏ mối cho các cửa hàng	(+)
<b>X11:</b> Vốn vay	Là biến giả nhận giá trị 1: Nếu được vay vốn từ các định chế chính thức	(+)
<b>X12:</b> Cơ sở hạ tầng	Khoảng cách từ nhà đến đường ô tô gần nhất	(-)
<b>X13:</b> Sinh hoạt làng nghề	Thể hiện bằng số lần tham gia sinh hoạt	(+)
<b>X14:</b> Thu nhập khác	Là biến giả nhận giá trị 1: Nếu có thêm thu nhập khác	(+)

## 2.2. Phương pháp thu thập số liệu

**Số liệu sơ cấp:** Đề tài sử dụng dữ liệu sơ cấp qua việc phỏng vấn trực tiếp 150 hộ gia đình đang làm nghề sơn mài tại làng nghề truyền thống sơn mài Tương Bình Hiệp – tỉnh Bình Dương.

**Số liệu thứ cấp:** Tham khảo thêm nguồn dữ liệu báo cáo của UBND xã Tương Bình Hiệp các năm trước và báo cáo tình hình kinh tế văn hóa xã hội 6 tháng đầu năm 2012.

## 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 3.1. Mô tả, phân tích kết quả nghiên cứu

Qua số liệu điều tra ngẫu nhiên của 150 hộ dân trong làng nghề sơn mài, hầu hết 100% hộ dân đều chuyên làm nghề sơn mài.

**Bảng 3.1. Kết quả thống kê mô tả tổng thể**

Stt	Nội dung	Trung bình	Nhỏ nhất	Lớn nhất
1	Tuoi	46.07	25	80
2	Gioi tinh	0.89	0	1
3	Trinh do hoc van	6.42	0	12
4	Kinh nghiem	24.83	1	60
5	Quy mo lao dong tham gia	2.66	1	15
6	Chung loai san pham	2.15	1	7
7	Ty suat chi phi /doanh thu	0.5469	0	0.98
8	Ky thuat cong nghe	1.12	0	3
9	Ngon hang gia cong	0.11	0	1
10	Thi truong tieu thu	0.73	0	1
11	Vay von	0.15	0	1
12	Co so ha tang giao thong	1.95	1	3
13	Tham gia sinh hoat lang nghe	0.23	0	3
14	Thu nhap khac	0.79	0	1

Theo số liệu thống kê tổng thể cho thấy, trong làng nghề, người dân có học vấn trung bình lớp 6 với kinh nghiệm làm nghề trung bình gần 25 năm và ở độ tuổi trung bình là 46 tuổi. Quy mô sản xuất trung bình trong một hộ là khoảng 3 người/hộ và nguồn thu nhập trung bình của mỗi hộ trong làng là 6,87 triệu đồng/tháng (tính theo bình quân đầu người là 2,6 triệu đồng/tháng) (bảng 3.1).

### Thu nhập với giới tính của chủ hộ

Qua số liệu điều tra thực tế tại làng nghề Tương Bình Hiệp cho thấy, tại làng nghề chủ hộ là nam giới chiếm tỷ lệ cao hơn nữ giới (nam giới là 88,7% còn nữ giới là 11,3%). Thống kê thu nhập trung bình của nam giới là 7,17 triệu đồng/tháng và nữ giới có thu nhập trung bình 5,35 triệu đồng/tháng đã cho thấy: thu nhập bình quân trên hộ gia đình của chủ hộ nam giới (7,17 triệu đồng/tháng) cao hơn của nữ giới (5,35 triệu đồng/tháng).

### Thu nhập với quy mô lao động trong hộ

Quy mô lao động trong hộ chỉ số thành viên trực tiếp tham gia lao động trong hộ gia đình. Theo số liệu điều tra, trung bình có 3 lao động trong một hộ, trong đó tỷ lệ hộ có quy mô lao động từ 2 đến 5 lao động chiếm tỷ lệ phần trăm cao (94%) còn lại số hộ có quy mô lao động 1 người là 4,7% và trên 5 người là 1,3%. Bên cạnh đó, kết quả

thống kê mô tả cũng cho thấy yếu tố thu nhập trung bình tương ứng với quy mô hộ. Vì vậy, có thể nhận xét rằng hộ có quy mô lớn đem lại nguồn thu nhập cao hơn.

#### *Thu nhập với trình độ học vấn của chủ hộ*

Trình độ học vấn thể hiện kiến thức của con người được học qua các cấp học từ thời phổ thông đến các cấp học sau phổ thông trung học như trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học. Tại làng nghề truyền thống sơn mài Tương Bình Hiệp Bình Dương, học vấn của chủ hộ rất thấp (trung bình lớp 6), đa số người dân làm nghề chỉ học hết lớp 9 trở xuống (chiếm tỷ lệ cao nhất 55,3%), kể đến là trình độ từ lớp 5 trở xuống (34,7%), trình độ cấp 3 chỉ có 8,7%, đặc biệt có hộ dân không biết chữ, không được học hành chiếm tỷ lệ 1,3%. Tương ứng với trình độ học vấn cao nhất là hộ dân có mức thu nhập trung bình cao nhất (9,08 triệu đồng/tháng/hộ).

#### *Thu nhập với tuổi của chủ hộ*

Cũng giống như các làng nghề khác, tuổi của chủ hộ trong làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp khá cao. Qua bảng khảo sát cho thấy nguồn lao động tại làng nghề đều ở lứa tuổi trung niên (từ 36 đến 45 tuổi) chiếm tỷ lệ cao nhất 45,3%, kể đến lao động trong lứa tuổi 46 đến 55 tuổi với tỷ lệ 23,3%. Còn lại ở lứa tuổi 25 đến 35 và 56 đến 65 tuổi là 12% và đặc biệt nhất ở lứa tuổi 66 đến 80 tuổi vẫn còn nghề nhân tham gia làm nghề truyền thống. Ở lứa tuổi 56 đến 65 có nguồn thu nhập cao nhất (8,33 triệu đồng/tháng/hộ), kể đến là lứa tuổi 46 đến 55 (8,0 triệu đồng/tháng/hộ).

#### *Thu nhập với kinh nghiệm của chủ hộ*

Trung bình chủ hộ có kinh nghiệm 24 năm, số hộ có kinh nghiệm chiếm tỷ lệ cao nhất từ 15 đến 30 năm (tỷ lệ 70,7% tương ứng với 106 hộ gia đình). Tiếp theo là hộ dân có kinh nghiệm trên 30 năm với tỷ lệ

18,7% và thấp nhất là các hộ dân với chủ hộ có kinh nghiệm dưới 15 năm chiếm tỷ lệ 10,7%. Kết quả cũng cho thấy những hộ dân có kinh nghiệm cao nhất (trên 30 năm) có nguồn thu nhập trung bình cao nhất (7,9 triệu đồng/tháng/hộ). Như vậy, có thể thấy rằng chủ hộ gia đình có kinh nghiệm nhiều hơn mang lại nguồn thu nhập cao hơn.

#### *Thu nhập trung bình của hộ gia đình*

Thu nhập bình quân đầu người nhìn chung còn rất thấp, bình quân đầu người là 2,6 triệu/tháng/hộ (chia bình quân theo số quy mô lao động tham gia trong hộ), trong đó mức thu nhập dưới 1 triệu đồng chiếm tỷ lệ 8%. Đa số các hộ dân có bình quân thu nhập đầu người từ 1 - 2 triệu là 34%, còn lại thu nhập từ 2 - 3 triệu chiếm tỷ lệ 29,3%, và từ 3 - 4 triệu là 14%, từ 4 - 5 triệu 8,7% và mức thu nhập từ 5 - 7,5 triệu là 5,3%.

Nếu so sánh, mức thu nhập như trên cũng tương đương mức thu nhập tại một số làng nghề khác (trung bình thu nhập của lao động tại các làng nghề khác trong toàn quốc từ 800 đến 1,7 triệu đồng/tháng, tại đồng bằng Bắc Bộ từ 1,33 triệu đến 1,730 triệu đồng/tháng (Nguyễn Thế Huệ (2012), Đào Ngọc Tiến và ctg (2012)).

Tuy nhiên, so với thu nhập của lao động trong toàn tỉnh, cụ thể là lao động phổ thông tại các khu công nghiệp có mức thu nhập từ 3,2 triệu đồng/tháng, thì mức thu nhập của người dân làng nghề là thấp hơn.

#### *Thu nhập với cơ sở hạ tầng giao thông*

Cơ sở hạ tầng giao thông thuận lợi giúp giao thương mua bán và trao đổi hàng hóa dễ dàng. Qua số liệu khảo sát thực tế, phần lớn các hộ sản xuất sơn mài cách đường ô tô chính dưới 1000m (chiếm tỷ lệ 77,3%), còn lại 22,7% số hộ dân có khoảng cách từ nhà đến trục lộ giao thông chính từ trên 1000m.

Đồng thời kết quả khảo sát cũng cho thấy, hộ gia đình sản xuất sơn mài có mức thu nhập trung bình cao nhất là các hộ dân cách đường ô tô chính từ 500m đến 1000m (6.0 triệu đồng/tháng/hộ).

#### *Thu nhập với số chủng loại sản phẩm*

Tỷ lệ số hộ sản xuất từ 2 đến 4 chủng loại sản phẩm là 58%, đây là tỷ lệ số hộ cao nhất có các mẫu sản phẩm từ 2 đến 4 loại. Có đến 36,7% hộ chỉ sản xuất duy nhất một loại sản phẩm và tỷ lệ hộ gia đình sản xuất trên 4 loại sản phẩm là rất ít (5,3%). Qua khảo sát, những hộ gia đình sản xuất nhiều hơn 4 loại sản phẩm có thu nhập bình quân/hộ cao nhất (11,8 triệu đồng/tháng/hộ) và thấp nhất là hộ gia đình sản xuất chỉ duy nhất một loại sản phẩm (6,18 triệu đồng/tháng/hộ). Qua đó cho thấy, các hộ gia đình sản xuất nhiều chủng loại sản phẩm (từ 4 trở lên) sẽ có nguồn thu nhập cao hơn.

#### *Thu nhập với nơi tiêu thụ sản phẩm*

Với đặc điểm của làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp ngày nay, sản phẩm được làm ra chủ yếu bỏ mỗi lại cho các cửa hàng trung bày lớn tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc các cửa hàng trung bày tại các trục lộ chính dẫn vào đầu làng.

Qua số liệu khảo sát, các hộ gia đình bán sản phẩm cho các cửa hàng trung bày có mức thu nhập bình quân cao (7,27 triệu đồng/tháng/hộ). Số hộ bán sản phẩm cho các thương lái có mức thu nhập bình quân thấp hơn (5.05 triệu đồng/tháng). Qua đó cho thấy, hộ gia đình bán hàng cho các cửa hàng trung bày sản mang lại nguồn thu cao hơn rất nhiều so với bán hàng cho các thương lái.

#### *Thu nhập với nguồn hàng gia công*

Gia công góp phần tạo ra nguồn thu nhập cho hộ gia đình. Tuy nhiên số liệu

khảo sát cho thấy, 89,3% hộ gia đình có nhận hàng gia công nhưng thu nhập lại thấp hơn hộ dân không nhận thêm hàng gia công, điều này trái với giả định đặt ra. Tuy nhiên, trường hợp này chiếm tỷ lệ không đáng kể (10.7%).

#### *Thu nhập với kỹ thuật công nghệ*

Các hộ gia đình đã trang bị các máy móc vào sản xuất như máy bào, máy mài, máy thổi,... Tuy nhiên, các loại máy móc đều đã có thời gian sản xuất lâu từ 5 năm đến 10 năm và giá trị của máy không cao (từ 2 triệu đến 5 triệu một máy). Bảng 5.13 cho thấy có đến 52% hộ gia đình trang bị máy móc với năm sản xuất dưới một năm, từ 5 năm đến 10 năm chiếm tỷ lệ 40%. Điều quan tâm nhất qua tính toán tại Bảng 5.13 cho ta thấy rằng có đến 5,3% hộ dân không sử dụng máy nhưng lại có thu nhập bình quân trên hộ cao nhất (16,75 triệu đồng/tháng/hộ).

#### *Thu nhập với việc vay vốn từ các định chế chính thức*

Hầu hết hộ gia đình không được hỗ trợ vốn vay từ các định chế chính thức (tỷ lệ 84% tương ứng 126 hộ). Số hộ gia đình có vay vốn chiếm tỷ lệ 16% và qua tính toán mức thu nhập trung bình của hộ gia đình được vay vốn cao hơn so với các hộ gia đình không được vay vốn (xem bảng 3.2).

#### *Thu nhập với tham gia sinh hoạt làng nghề*

Có đến 88% hộ dân không tham gia sinh hoạt. Kết quả tính toán qua bảng khảo sát cho thấy những hộ có tham gia sinh hoạt có thu nhập trung bình trên hộ cao hơn rất nhiều so với các hộ gia đình không tham gia (14,38 triệu đồng/tháng/hộ) và tham gia một lần trên quý có thu nhập 11 triệu đồng/tháng/hộ. Những hộ không tham gia làng nghề có thu nhập rất thấp 5,52 triệu

đồng/tháng/hộ, chiếm tỷ lệ 88%). Do đó, nếu người dân có tham gia sinh hoạt làng nghề nhiều hơn 1 lần/quý sẽ có nguồn thu nhập rất cao.

*Thu nhập khác*

Số hộ dân có thêm nguồn thu nhập khác tương đối khá cao (108 hộ gia đình tương ứng tỷ lệ 72%). Theo số liệu tính toán, hộ gia đình có thêm nguồn thu nhập tương đương thu nhập bình quân trên một

hộ cao hơn so với số hộ gia đình không có thêm nguồn thu nhập khác

Kết quả phân tích mô tả đã chỉ ra hầu hết các yếu tố trên với biến thu nhập đều có mối quan hệ với nhau (ngoại trừ yếu tố gia công, kỹ thuật công nghệ, hạ tầng giao thông và tuổi của chủ hộ không như kỳ vọng ban đầu).

3.2. Kết quả mô hình nghiên cứu

Kết quả mô hình hồi quy:

**Bảng 3.2. Kết quả hồi quy của mô hình**

Model	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Giá trị t	Ý nghĩa	Thống kê cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	-6.330	2.498		-2.534	.012		
1 Tuoi	-.063	.052	-.121	-1.217	.226	.237	4.219
2 Gioi tinh	.261	.946	.014	.276	.783	.875	1.142
3 <b>Trinh do hoc van</b>	<b>.270</b>	<b>.122</b>	<b>.117</b>	<b>2.221</b>	<b>.028**</b>	<b>.846</b>	<b>1.183</b>
4 Kinh nghiem	.055	.049	.108	1.124	.263	.250	3.994
5 <b>Quy mo lao dong tham gia</b>	<b>2.460</b>	<b>.217</b>	<b>.602</b>	<b>11.316</b>	<b>.000**</b> *	<b>.823</b>	<b>1.215</b>
6 Chung loai san pham	.122	.264	.025	.463	.644	.792	1.262
7 Ty suat chi phi theo doanh thu	1.110	1.141	.056	.973	.332	.716	1.397
8 Ky thuat cong nghe	.559	.417	.069	1.339	.183	.871	1.148
9 <b>Nguon hang gia cong</b>	<b>3.917</b>	<b>.975</b>	<b>.208</b>	<b>4.016</b>	<b>.000**</b> *	<b>.869</b>	<b>1.151</b>
10 <b>Thi truong tieu thu</b>	<b>1.779</b>	<b>.678</b>	<b>.135</b>	<b>2.624</b>	<b>.010**</b> *	<b>.876</b>	<b>1.142</b>
11 Von vay	-.208	.848	-.013	-.245	.807	.875	1.143
12 Co so ha tang giao thong	.390	.650	.032	.601	.549	.833	1.200
13 <b>Tham gia sinh hoat lang nghe</b>	<b>2.510</b>	<b>.450</b>	<b>.293</b>	<b>5.573</b>	<b>.000**</b> *	<b>.846</b>	<b>1.182</b>
14 <b>Thu nhap khac</b>	<b>2.172</b>	<b>.738</b>	<b>.153</b>	<b>2.944</b>	<b>.004**</b> *	<b>.862</b>	<b>1.161</b>

R<sup>2</sup> điều chỉnh: 0.653; ANOVA: Giá trị F (21.010); Sig. : 0.000; Durbin – Watson: 2.210 (Nguồn: Số liệu điều tra tại thực tế tại làng nghề truyền thống sơn mài Tương Bình Hiệp Bình Dương). Ghi chú: \*\*\* là mức ý nghĩa 1%, \*\* là mức ý nghĩa 5%

*Kiểm định tổng quát mô hình nghiên cứu*

Theo kết quả bảng ANOVA cho thấy mô hình với độ tin cậy 99% (P=000) và có F = 21.010. Qua đó có thể kết luận rằng mô hình phù hợp với dữ liệu (xem bảng 3.1).

Mô hình có R<sup>2</sup> hiệu chỉnh (Adjusted R square) đạt mức 65,3% cho biết 65,3% thu

nhập của người dân làng nghề truyền thống được giải thích bởi các biến độc lập, phần trăm còn lại do chưa được đề cập đến trong mô hình.

*Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến:*

Qua chỉ số VIF cho thấy rằng không có hiện tượng đa cộng tuyến vì các chỉ số VIF

đều nhỏ hơn 10, có thể kết luận mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến.

*Kết quả kiểm định số dư không đổi:* qua kiểm định Spearman cho thấy biến quy mô lao động có mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,05 (sig.<0,05), do đó biến này bị vi phạm phương sai của phần số dư thay đổi.

Còn lại 5 biến *trình độ học vấn, nguồn hàng gia công, thị trường tiêu thụ, thu nhập khác* và *tham gia sinh hoạt làng nghề* có mức ý nghĩa đều lớn 0,05. Do vậy, có thể chắc chắn kết luận rằng phương sai của số dư của các biến này không thay đổi. Mô hình hoàn toàn phù hợp với các biến có ý nghĩa thống kê

*Phân tích các biến có ý nghĩa thống kê*

Bảng kết quả hồi quy cho thấy, có 6 biến có ý nghĩa thống kê, trong đó mức ý nghĩa 1% có 5 biến, đó là: *quy mô lao động, thị trường tiêu thụ, nhận thêm hàng gia công, tham gia sinh hoạt làng nghề* và *thu nhập khác*. Có 1 biến có ý nghĩa ở mức 5% đó là *trình độ học vấn của chủ hộ*.

– *Trình độ học vấn* có mối quan hệ tuyến tính với thu nhập, kết quả hồi quy với mức ý nghĩa 5% (sig.=0.028). Đối với người dân làng nghề, công việc chủ yếu hiện nay vẫn là lao động chân tay và sử dụng tích lũy kinh nghiệm sẵn có để làm việc. Điều này càng khẳng định rõ rằng khi trình độ học vấn tăng thêm 1 năm học tương ứng với thu nhập của người dân sẽ tăng lên 0,270 triệu đồng. Mối quan hệ cùng chiều như kỳ vọng ban đầu.

– *Quy mô lao động:* với ý nghĩa thống kê 1% (giá trị sig.=0,000), điều này cho thấy rõ rằng quy mô lao động càng lớn thì mang lại nguồn thu nhập càng cao. Kết quả khảo sát thực tế tại làng nghề truyền thống sơn mài thể hiện qua bảng thống kê mô tả cũng đã chỉ ra rằng số hộ gia đình có quy

mô lao động lớn tương ứng với mức thu nhập rất cao (bảng thống kê mô tả 5.3).

Tuy nhiên, biến quy mô lao động qua kết quả kiểm định Spearman lại cho thấy giá trị sig.<0,05. Do đó, kết luận biến này đã bị vi phạm phương sai phần số dư thay đổi.

– *Thị trường tiêu thụ:* qua khảo sát tại làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp cho thấy người dân có thu nhập cao hơn khi được bán hàng trực tiếp cho các cửa hàng trưng bày sản phẩm mà không phải bán lại cho các thương lái. Do vậy, khi tìm kiếm được thêm 1 đơn vị thị trường tiêu thụ thì sẽ góp phần làm gia tăng nguồn thu nhập lên 1,779 triệu đồng. Mối quan hệ cùng chiều với biến độc lập như mong đợi.

– *Nguồn hàng gia công:* qua số liệu thống kê cho thấy những hộ gia đình không nhận thêm nguồn hàng gia công lại có thu nhập cao hơn các hộ gia đình có nhận hàng gia công. Tuy nhiên, thực tế qua mô hình nghiên cứu hồi quy, biến nguồn hàng gia công lại có mối tương quan thuận với thu nhập với mức ý nghĩa 1% (giá trị sig. = 0,000). Điều này có sự khác biệt giữa kết quả thống kê mô tả và hồi quy tuyến tính. Có thể lý giải rằng điều này như sau: Số hộ không nhận hàng gia công chiếm tỷ lệ không cao (10,7%) trong khi đó hộ gia đình có nhận thêm hàng gia công chiếm phần lớn (89,3%). Do vậy, kết quả hồi quy không giống như kết quả thống kê mô tả và đã cho biết rằng khi gia tăng thêm 1 đơn vị giá trị trong đơn hàng gia công thì thu nhập sẽ tăng lên 3,917 triệu đồng/tháng, tương ứng với hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 3,917.

– *Tham gia sinh hoạt làng nghề* góp phần làm gia tăng thêm nguồn thu nhập của người dân. Qua bảng thống kê mô tả cũng cho thấy rằng những hộ gia đình có tham gia sinh hoạt làng nghề nhiều hơn một lần

trong quý sẽ có thu nhập cao hơn hộ gia đình không tham gia hoặc tham gia chỉ một lần (14,38 triệu đồng/tháng/hộ).

Đồng thời, kết quả hồi quy tuyến tính cũng chỉ ra rằng yếu tố số lần tham gia sinh hoạt có quan hệ với biến thu nhập ở mức ý nghĩa 1% (giá trị sig. = 0.000). Kết quả cho thấy khi gia tăng tham gia sinh hoạt 1 lần sẽ gia tăng thu nhập thêm 2,510 triệu đồng và có mối quan hệ cùng chiều như kỳ vọng mong đợi ban đầu.

– *Thu nhập khác*: thực tế tại làng nghề sơn mài truyền thống Tương Bình Hiệp cho thấy thu nhập của người dân sẽ tăng thêm 2,172 triệu đồng khi có thêm nguồn thu nhập khác tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa 2,172 đơn vị. Dấu mong đợi cùng chiều như kỳ vọng ban đầu (có ý nghĩa với giá trị sig = 0.000).

Hệ số chuẩn hóa (beta) cho biết tầm quan trọng của các biến độc lập trong mô hình. Biến số lần tham gia sinh hoạt làng nghề có hệ số hồi quy 0,293 có nghĩa là 100% các yếu tố tác động đến thu nhập thì biến số lần tham gia sinh hoạt làng nghề chiếm 29,3%. Như vậy kết luận biến này là quan trọng trong tỷ lệ phần trăm ảnh hưởng của các yếu tố đến thu nhập.

#### 4. Kết luận

Qua thực tế nghiên cứu tại làng nghề sơn mài truyền thống Tương Bình Hiệp ở tỉnh Bình Dương, kết quả cho thấy có các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân làng nghề, trong đó yếu tố về thị trường tiêu thụ có vai trò vô cùng quan trọng quyết định sức sống của một làng nghề.

Để nâng cao thu nhập cho người dân làm nghề truyền thống sơn mài cần tập trung giải quyết các vấn đề sau:

*Một là, gia tăng nguồn hàng gia công.* Tại làng nghề sơn mài hiện nay, hầu hết các

hộ dân tự tổ chức sản xuất mang tính chất hộ gia đình, với quy mô nhỏ lẻ và tự phát. Do vậy, nguồn hàng sản xuất của họ thông thường được nhận gia công lại từ các cơ sở sản xuất lớn trong làng hoặc nếu có tìm kiếm được nguồn hàng cũng chỉ nhất thời và không bền vững. Nguồn hàng gia công lúc có lúc không có do phải phụ thuộc vào cơ sở gia công. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến nguồn thu nhập của hộ sản xuất gia đình.

*Hai là, thường xuyên tổ chức và khuyến khích người dân tham gia các buổi sinh hoạt tại Hiệp hội làng nghề.* Thông qua các buổi sinh hoạt, người dân nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình thị trường tiêu thụ; các chủ cơ sở có nguồn sản xuất và thị trường tiêu thụ dồi dào nắm bắt được hộ gia đình nào còn đang làm nghề, qua đó giúp các hộ gia đình có thêm nguồn hàng gia công. Cùng với yếu tố về nguồn hàng gia công thì yếu tố về tham gia sinh hoạt làng nghề sẽ góp phần bổ sung cho yếu tố nguồn hàng gia công như đã nêu trên.

*Ba là, đa dạng hóa nguồn thu nhập.* Đây là một trong những giải pháp góp phần gia tăng thu nhập của hộ gia đình. Khi yếu tố thu nhập từ nguồn lao động sản xuất chính bị hạn chế thì gia tăng nguồn thu nhập khác là một giải pháp tất yếu đem lại nguồn thu cho gia đình. Do vậy, đối với người dân tại làng nghề truyền thống sơn mài, chính quyền địa phương cần có chính sách quan tâm hỗ trợ giới thiệu thêm việc làm cho nhân dân, cung cấp các thông tin về dịch vụ việc làm đến các hộ gia đình, hội phụ nữ của xã, phường, giúp người dân có cơ hội tìm kiếm công việc góp phần đa dạng hóa thu nhập, ổn định cuộc sống.

*Bốn là, mở rộng thị trường tiêu thụ.* Thị trường tiêu thụ là một trong những yếu

tổ quan trọng trong quá trình phát triển làng nghề. Trong phạm vi nghiên cứu này, yếu tố thị trường tiêu thụ đã được chứng minh có mối quan hệ với thu nhập của người dân.

Theo thực tế đã khảo sát tại làng nghề, hầu hết thị trường tiêu thụ của hộ gia đình là bỏ mối cho các cửa hiệu. Tuy vậy, có đến 40% hộ gia đình vẫn phải bán cho các thương lái nên giá cả bán ra rất thấp. Đây là một trong những yếu tố giảm nguồn thu nhập của các hộ gia đình. Do đó, thiết nghĩ chính quyền địa phương cần có những giải pháp xúc tiến thương mại như tổ chức các cuộc triển lãm sản phẩm về làng nghề tại địa phương, giao thương kết nối với các cơ sở khác trong toàn quốc và cần thiết có thể thành lập trung tâm buôn bán hàng hóa mỹ nghệ sơn mài. Đồng thời, qua yếu tố mở rộng thị trường có thể phát triển và gắn kết

với yếu tố du lịch, đó cũng là một trong những cách thức phát triển kênh tiêu thụ sản phẩm làng nghề thông qua du lịch địa phương. Yếu tố này rất cần thiết để làng nghề tồn tại và phát triển, cải thiện và gia tăng nguồn thu nhập cho người làm nghề sơn mài truyền thống.

*Năm là, nâng cao trình độ học vấn cho người lao động trong làng nghề.* Theo quan niệm từ xưa, người dân vẫn cho rằng lao động tại các làng nghề chủ yếu là lao động chân tay, chỉ cần có kinh nghiệm vẫn có thể làm tốt nghề. Tuy nhiên, trước cơ chế chung của thị trường cùng với việc mở rộng thương mại kinh tế ra thế giới, việc có kiến thức để ứng dụng tốt khoa học kỹ thuật vào sản xuất sẽ góp phần gia tăng lợi nhuận, gia tăng thu nhập cho người dân.

\*

## **THE FACTORS AFFECTING THE INCOME OF THE PEOPLE IN TRADITIONAL CRAFT VILLAGES (CASE STUDY OF TUONG BINH HIEP LACQUER VILLAGE IN BINH DUONG)**

**Nguyen Hong Thu**

*Thu Dau Mot University*

### **ABSTRACT**

*Using the linear regression model, the study object as Tuong Binh Hiep households of lacquer production (Binh Duong province) with survey data from 150 random households specializing in lacquer craft, our research have analyzed the relationship between income and elements such as gender of the householders, labor scale, education level, age, experience, product categories, etc. The research results showed that the elements of education level, labor scale, consumption market, sources of goods for processing and the living of the village has a close relationship and a decisive role to the vitality of a craft village. To improve income for the people of lacquer craft villages it is necessary to increase resources of goods for processing, to regularly organize and encourage the people to participate in the meetings of the Vietnam Association of Craft Villages, to diversify income sources, expand markets, enhance education for workers in craft villages.*

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2006), *Thông tư 116/2006/TT-BNN hướng dẫn Nghị định 66/2006/NĐ-CP về phát triển ngành nghề nông thôn*, 18/12/2006.
- [2] Nguyễn Đình Hòa (2010), *Định hướng phát triển làng nghề miền Đông Nam Bộ đến năm 2020*, luận án tiến sĩ, Khoa Sau Đại học, Trường Đại học Kinh tế TP HCM.

- [3] Đào Ngọc Tiến và ctg (2012), “*Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá phát triển bền vững một số làng nghề truyền thống đồng bằng Bắc Bộ*”, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 176, 2/2012.
- [4] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu với SPSS*, NXB Hồng Đức.
- [5] Mai Văn Nam (2012), “*Thu nhập và giải pháp nâng cao thu nhập của nông hộ tham gia hoạt động làng nghề ở tỉnh Bạc Liêu*”, Tạp chí Phát triển kinh tế, số 262, tháng 8 năm 2012.
- [6] Tôn Nữ Quỳnh Trân (2002), *Làng nghề thủ công truyền thống tại Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ.
- [7] UBND tỉnh Bình Dương (2008), Quyết định số 3855/QĐ-UBND tỉnh Bình Dương ngày 5 tháng 12 năm 2008 về việc Thành lập Hiệp hội sơn mài điêu khắc tỉnh Bình Dương.
- [8] UBND xã Tương Bình Hiệp (2008), Hồ sơ xét công nhận làng nghề truyền thống sơn mài Tương Bình Hiệp.
- [9] UBND xã Tương Bình Hiệp (2012), Báo cáo tình hình kinh tế xã hội và Quốc phòng an ninh 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2012.
- [10] J.K.Sesabo (2005), *Factor affecting income strategices among household in Tanzanian Coastal villages: Implications for development-conservation initiatives*, July 8, 2005.